

Vua Minh Mệnh xử án

Nguyễn Minh Tường¹

¹ Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: bichtoanvsh@gmail.com

Nhận ngày 11 tháng 9 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 11 năm 2019.

Tóm tắt: Trong lịch sử tư pháp thời quân chủ Việt Nam, vua Minh Mệnh là một tấm gương sáng về một vị vua “thượng tôn pháp luật”. Đối với ông, muốn cho triều đại vững mạnh, quốc gia yên bình, thì mọi người đều phải sống và làm việc theo pháp luật. Trong thời kỳ trị vì hơn 20 năm, vua Minh Mệnh đã xử hàng trăm vụ án lớn, nhỏ, nhưng vụ nào cũng đều được xét xử nghiêm minh, không để lọt tội phạm, không để oan sai cho người vô tội. Những vụ án do vua Minh Mệnh xét xử nghiêm minh ấy, vẫn còn nguyên giá trị đối với hiện nay.

Từ khóa: Tư pháp, xử án, vua Minh Mệnh.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: In the history of the judiciary under the Vietnamese monarchy, King Minh Menh is a bright example of a monarch who upheld the rule of law. For him, in order for a dynasty to be strong and a nation to enjoy peace, everyone must live and work in line with the law. During his reign of more than 20 years, Minh Menh tried hundreds of large and small cases, all with justice, neither letting any criminals evade punishment, nor wrongly convicting any innocent people. The value of the cases remain intact today.

Keywords: Judiciary, case trial, King Minh Menh.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Minh Mệnh (1820-1841) là vị hoàng đế thứ hai của Hoàng triều Nguyễn nước Đại Nam. Triều Nguyễn (1802-1945) nói chung và triều Minh Mệnh nói riêng, Nho giáo được coi là quốc giáo. Vua Minh Mệnh độc tôn

Nho giáo để xây dựng một chính quyền quân chủ trung ương tập quyền cao độ, nhất là trong điều kiện nửa đầu thế kỉ XIX, đất nước vừa trải qua hơn 200 năm chiến tranh, là điều cũng dễ hiểu. Nhưng đối với việc cai trị đất nước, vua Minh Mệnh không chỉ chuyên dùng “đức trị” của Nho giáo mà còn

kết hợp với “pháp trị” của Pháp gia. Vì thế, có thể nói, trong lịch sử tư pháp thời quân chủ Việt Nam, vua Minh Mệnh được coi như một tấm gương sáng về “thượng tôn pháp luật”. Theo Minh Mệnh, thì phong hóa, kỷ cương đất nước phải xuất phát từ chôn cung cấm, pháp luật thi hành khởi sự ở người thân, nên đối với nhà vua phép nước chẳng chừa một ai.

Dưới thời quân chủ Việt Nam nhân cách đạo đức của vị vua đứng đầu triều đình có ý nghĩa nêu gương và dẫn đạo mọi người là vô cùng quan trọng. Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) thời Lê sơ và vua Minh Mệnh (1820-1841) thời Nguyễn là những vị vua như vậy. Bài viết phân tích các vụ án do đích thân vua Minh Mệnh xét xử, để thấy rõ tinh thần đề cao pháp luật, giữ nghiêm kỷ cương, phép nước của ông.

2. Xử án các quan đại thần

Thời quân chủ Việt Nam nói chung và thời Nguyễn nói riêng, các quan đại thần là để “chỉ hạng quan được ban tước nhất phẩm [4, tr.83] và các quan văn, võ tại chức từ tam phẩm trở lên, và các tãn quan từ nhị phẩm trở lên”, họ thuộc hàng “bát nghị”², tức tám trường hợp dù cho có phạm tội cũng được xét miễn giảm [1, tr.282 -283]. Trong bộ *Hoàng Việt luật lệ* được ban hành dưới triều vua Gia Long (1802-1819) cũng có ghi rõ ở Điều 3: Bát nghị, Quyển 2: Luật *Danh lệ*, phần *Thượng*, nhưng đối với vua Minh Mệnh, không phải ai cũng đều được hưởng chế độ “bát nghị” này.

Ngay từ khi mới lên ngôi, vào năm Minh Mệnh thứ 1 (1820), nhà vua đã xét xử hết sức nghiêm minh đối với một trường hợp vừa là “nghị cố”, vừa là “nghị quý” của

triều Nguyễn. Đó là trường hợp Hoàng Công Lý, Phó Tổng trấn Gia Định thành³. Hoàng Công Lý vốn là bề tôi thân cận của vua Gia Long.

Tháng 2 năm Nhâm Tuất (1802), Hoàng Công Lý được Nguyễn Ánh cho làm Vệ úy vệ Trung Nhị thuộc dinh Túc Trực, coi 10 đội, với 500 quân. Dinh Túc Trực chia ra làm 10 vệ [3, t.1, tr.483]. Đứng đầu dinh là một Đô thống chế. Cầm đầu vệ là một Vệ úy. Lúc này, Nguyễn Ánh vừa thu phục được Phú Xuân (Huế) và đã lấy được Quy Nhơn, song chưa tiến quân ra Bắc. Tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh lấy niên hiệu Gia Long và tháng 7 đem quân ra Bắc Hà.

Tháng 10 năm Gia Long thứ 10 (1811), Vệ úy Hoàng Công Lý được cử giữ chức Trấn thủ Bình Định [3, t.1, tr.825].

Tháng 9 năm Gia Long thứ 14 (1815), Trấn thủ Hoàng Công Lý được triệu về Kinh lãnh chức Tả Thống chế Thị trung, coi 5 vệ binh: Trung nhất, Tiền nhất, Tả nhất, Hữu nhất, Hậu nhất [3, t.1, tr.907].

Tháng 8 năm Gia Long thứ 17 (1818), Tả Thống chế Hoàng Công Lý được cử giữ chức Phó Tổng trấn Gia Định thành [3, t.1, tr.973].

Tháng 9 năm Minh Mệnh thứ 1 (1820), sử triều Nguyễn cho biết: Phó Tổng trấn Gia Định thành Hoàng Công Lý tham lam trái phép, bị quân nhân tố cáo hơn 10 việc. Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt đem việc ấy tâu lên triều đình. Vua Minh Mệnh bảo với các bề tôi thân cận là Nguyễn Văn Nhân và Nguyễn Đức Xuyên rằng: “Không ngờ Công Lý quá đến thế, công trạng nó có gì bằng các khanh, duy nhờ Tiên đế (chỉ vua Gia Long - TG) cất nhắc, ngôi đến Phó Tổng trấn, lộc nước ơn vua, thực không phải bạc, thế mà lại bóc lột

tiểu dân, làm con một nước. Nay tuy dùng phép buộc tội, nhưng dân đã khôn khổ rồi”. Vua Minh Mệnh bèn hạ lệnh bắt Hoàng Công Lý giam vào ngục, sai Thiêm sự Hình bộ Nguyễn Đình Thịnh đến hội với Hình tào ở Gia Định thành cùng xét hỏi [3, t.2, tr.93].

Tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), Hoàng Công Lý bị kết tội tham nhũng, tang vật lên tới trên 2 vạn quan tiền⁴. Vua Minh Mệnh sai quan ở Gia Định thành đòi hỏi thêm. Khi thành án, nhà vua giao cho đình thần bàn xét, cuối cùng Hoàng Công Lý bị cho là đáng tội chết, bèn đem giết, tịch thu gia sản đem trả lại cho bình dân [3, t.2, tr.134]. Sau khi thi hành án xong, vua Minh Mệnh xuống dụ rằng: “Gia Định là nơi đất rộng dân nhiều... không may có Hoàng Công Lý, lấy tư cách đê hèn, chứa chất thói tham bạc, vạy trái pháp luật, ăn lót kẻ đến muôn vạn, bắt người làm việc riêng, mỗi lần đến hàng mấy nghìn, một nước hại dân đến thế là cùng. Nghĩ các người vô tội mà gặp nỗi độc hại này, dù của cải đền được nhưng nỗi khổ lâu ngày khó mà hồi được. Nay tội nhân như thế, pháp luật phải thi hành, để cho nhân dân uất ức một phương đều rõ cái ý trừ bạo an dân của triều đình” [3, t.2, tr.134].

Viên quan đại thần nữa bị vua Minh Mệnh nghiêm trị là Trịnh Đường. Trịnh Đường khi còn làm chức quan nhỏ đã mắc nhiều lỗi, được vua Minh Mệnh gia ân, “gạt bỏ vết xấu mà lại dùng”. Sau đó, vì triều đình có nhiều việc, Trịnh Đường được cất nhắc vượt bậc, cho giữ chức Tuần phủ Hà Tiên (Tòng nhị phẩm). Khi lên đường nhậm chức, vua Minh Mệnh cho gọi Trịnh Đường vào, khuyên bảo tận mặt, còn hậu cấp cho bạc lạng làm tiền dưỡng liêm⁵.

Đầu năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), tỉnh Hà Tiên bị quân Xiêm (Thái Lan ngày nay)

xâm lấn. Trịnh Đường không những không tổ chức chống trả, mà còn bỏ dinh thự, lại lấy đi đến hơn 1.000 quan tiền công ở kho, đem xuống thuyền chạy trốn. Đến khi tỉnh lý được thu phục, Trịnh Đường trở về và làm sớ tâu rằng: tiền của kho bị giặc lấy mất. Không may là khi ông ta đem hơn 1.000 quan tiền xuống thuyền chạy trốn, có Án sát Đặng Văn Nguyên trông thấy.

Tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), Tham tán Hồ Văn Khuê mới phát giác sự việc đánh cắp tiền bạc của Trịnh Đường, và tâu lên triều đình [3, t.2, tr.102].

Vua Minh Mệnh nhận được tờ tâu, liền dụ rằng: “Trịnh Đường trước đây có lỗi, được “gạt bỏ vết xấu mà lại dung”, rồi được cất nhắc vượt bậc tới chức Tuần phủ... Đáng lẽ phải cố gắng để báo ơn, thế mà khi đến tỉnh, không tỏ được sở trường gì, để Hà Tiên thất thủ, tội ấy đã khó tha thứ, lại còn nhân lúc ấy, lấy cấp tiền công đến 1.000 quan, vội bỏ thành trì đất đai mà chạy. Bản tâm của y chính là nhằm lợi dụng lúc có giặc cướp để làm việc gian tham đó, thực đáng ghét! Nay lập tức cách chức, cho xích lại, giao cho viên tiếp biện là Trần Chấn xét rõ, tâu lên. Còn Đặng Văn Nguyên thì phải tệt lưu để chờ đối chất” [3, t.2, tr.102].

Vua Minh Mệnh bèn hạ lệnh giải Trịnh Đường về Kinh, lấy các chứng cứ, giao cho bộ Hình nghiêm xét. Vừa lúc đó, vua Minh Mệnh cũng nhận được tờ sớ của Trịnh Đường, nói rằng: “Khi tỉnh lý thất thủ, mang số tiền ấy đi theo thuyền, tiêu hết hơn 400 quan, còn bao nhiêu tiền binh vớt xuống sông cả. Tập sớ trước đây nói là bị giặc lấy đi mất là khai sai, nay xin “khai lại” và cam chịu tội!” [3, t.2, tr.103].

Vua xem sớ của Trịnh Đường, liền bảo với bộ Hình rằng: “Tên Đường xâm lạm tiền công, lại bức bách binh, khai man

là vớt xuống sông. Đã bị người tham hặc, còn dám vin có đó mà cãi, sao nó gian dối đến thế!”. Khi thành án, vua Minh Mệnh xử Trịnh Đường vào tội giảo quyết (thắt cổ cho chết ngay)⁶. Đặng Văn Nguyên cũng bị xử vào tội trăm giam hậu [3, t.2, tr.103].

3. Xử án các thân vương, hoàng tử và những người thân trong hoàng tộc triều Nguyễn

Dưới thời quân chủ, những thân vương, hoàng tử nói riêng, hay họ hàng của nhà vua, họ hàng của Thái hoàng (cha vua), Thái hậu (mẹ vua), họ hàng của Hoàng hậu... được xếp vào hàng “nghị thân”, trong chế độ “bát nghị”, trừ phi mắc phải các tội đại nghịch, mưu phản, còn lại thì dù có phạm tội cũng không bị xử phạt. Tuy nhiên, đối với vua Minh Mệnh thì có sự khác biệt, đối với họ nếu mắc tội nhẹ, thì ông khiển trách, còn nếu phạm trọng tội, ông nghiêm khắc trừng trị.

Tháng 4 năm Minh Mệnh thứ 1 (1820), em trai vua là Diên Khánh công Nguyễn Phúc Tấn⁷, từng nhân việc riêng, tự tiện lấy roi đánh Cai đội Thị trung là Lê Văn Hương. Tôn Thất Dịch đem việc ấy tâu lên vua Minh Mệnh.

Vua Minh Mệnh đương ngự ở trên điện, các tước công đều ở đây. Ông quay lại nhìn Diên Khánh công, nhỏ nước mắt khóc, trách rằng: “Lê Văn Hương kia cũng là phẩm quan của triều đình, nếu có tội nên tâu lên, sao lại tự lấy roi đánh người ta? Và lại phép của Tiên đế (chỉ vua Gia Long - TG) lập ra là của chung của thiên hạ, chứ có phải riêng của anh em ta đâu! Em không thấy Tiên đế thiết trách Định Viễn công Bính à? Bây giờ Định Viễn công có lỗi nhỏ,

mà anh vì Bính hai ba lần xin tha. Tiên đế vẫn không tha. Như thế là vì nghĩ rằng các hoàng thân sinh trưởng ở chỗ giàu sang, cậy mình được yêu thương đặc biệt, nên coi nhẹ mà phạm hiến chương, cho nên không thể không nghiêm ngặt để răn người sau. Nay anh lấy lòng Tiên đế làm lòng mình mà yêu em, em cũng nên lấy lòng anh làm lòng mình mà yêu anh, cùng nhau cẩn thận giữ phép sẵn, để giữ tiếng lành mãi không cùng. Chớ nên lại làm thế nữa” [3, t.2, tr.58].

Trên đây, vì Diên Khánh công Nguyễn Phúc Tấn mắc lỗi nhỏ, do quá tức giận, dùng roi đánh người, nên vua Minh Mệnh chỉ khiển trách, khiến cho Tấn sau này không được phép tái phạm. Nhưng nếu họ phạm tội, nhà vua không bao giờ dung thứ, ngay cả đối với con mình.

Tháng 8 năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), Diên Khánh công Nguyễn Phúc Tấn ý thế anh (tức vua Minh Mệnh), có lần đi làm việc riêng, bắt giam dân và sai dịch phủ Thừa Thiên (Huế), phủ thần đem việc tâu lên vua. Vua Minh Mệnh hay tin, liền gọi Tấn đến, quở trách gay gắt, lại khóc mà dụ rằng: “Dân là gốc của nước, dân không yêu mến thì người có thể hưởng giàu sang này được mãi không? Người đã không cùng chia lo với ta lại làm thêm lo cho ta, thì lòng người có yên không?” [3, t.2, tr.159]. Nói rồi, vua Minh Mệnh sai bắt Trương sử Hồ Văn Tùng, là thân thuộc của Phúc Tấn đánh 100 trượng và cách chức, sung quân làm lính phủ để răn đe Tấn.

Tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), Hoàng tử Miên Phú, đem đến cùng với bọn phủ thuộc là Hoàng Văn Vân, Bùi Văn Nghị và Bùi Văn Quế phi ngựa ở phía tả ngoài hoàng thành. Miên Phú về trước, mấy người phủ thuộc còn cho ngựa chạy thi. Có một bà già đi bên đường tránh không kịp, bị ngựa

của Vân xéo chết. Vua Minh Mệnh biết tin đó, bèn sai ngay Tôn Nhân phủ Tôn Thất Bằng, Cơ Mật viện Trương Đăng Quế và Phan Bá Đạt, Hình bộ Nguyễn Công Hoán và Nội các Hoàng Quýnh hội đồng tra hỏi. Khi thành án, vua Minh Mệnh phê chuẩn: “Hoàng tử Miên Phú bị tước mũ áo, cách mất lương bổng hàng năm, đóng cửa ở nhà riêng để tự xét mình sửa lỗi, không cho ra ngoài một bước, không có được lại dự vào hàng các hoàng tử, chỉ gọi tên là Phú mà thôi. Hoàng Văn Vân bị chém ngay, Bùi Văn Nghị, Bùi Văn Quế đều bị phát vãng đi Ai Lao sung quân. Khi đến chỗ phát phối đánh cho 100 hồng côn (gậy lớn)” [3, t.2, tr.189]. Hơn thế nữa, vua Minh Mệnh còn nghiêm răn: “Người đàn bà bị chết, đã có đèn mạng, đáng lý không nên cho tiền mai táng nữa. Nhưng lại nghĩ: già nua thất thểu ở giữa nơi kinh thành, thực đáng thương xót. Vậy chuẩn cho cứ tên Phú bắt phải đèn cho người chết 200 lượng bạc, để dùng vào việc mai táng... Trẫm làm việc, chỉ giữ công bằng, quyết không có lý nghị thân, nghị quý⁸. Phàm các em và con cháu, chớ nên coi khinh, lấy thân để thử pháp luật. Gương sáng chẳng xa, ai nấy phải kính cẩn đó!” [3, t.2, tr.804-805].

4. Xử án các vụ ăn trộm nhỏ và tham những vật

Vua Minh Mệnh không chỉ tự mình xét xử nghiêm minh những vụ trọng án, mà còn luôn “để mắt” tới những vụ “ăn trộm nhỏ” và “tham những vật”. Vì, có lẽ, nhà vua hiểu rằng, tuy ăn trộm nhỏ và tham những vật là những tội lỗi nhỏ thôi, nhưng giống như “mưa dầm” lâu ngày, thì “cũng lụt” cả nước!

Tháng Giêng năm Minh Mệnh thứ 10 (1829), ở trấn Thanh Hoa⁹, các quan chức trong trấn là Trấn thủ Lê Văn Hiếu, Hiệp trấn Đoàn Viết Nguyên, Tham hiệp Tôn Thất Lương¹⁰ cho đấu thầu thuế cửa quan và bến đò. Có người muốn trúng thầu, đã hối lộ cho người thiếp của Lê Văn Hiếu 20 lượng bạc, và cho người con của Đoàn Viết Nguyên 40 lượng bạc. Khi việc đấu thầu xong xuôi, người đó lại có quà tạ lại Lê Văn Hiếu và Đoàn Viết Nguyên đều nhận, chỉ riêng Tham hiệp Tôn Thất Lương từ chối.

Sau đó, vụ việc bị phát giác, vua Minh Mệnh sai Lang trung Nguyễn Văn Thắng, Thừa chỉ Trương Phúc Cương đi tra xét và lập án trình lên bộ Hình. Bộ Hình đề nghị xử Lê Văn Hiếu vào tội phải cách chức, Đoàn Viết Nguyên bị tội đò. Sau xét thấy vì trước đó, họ có nhiều công lao, nên vua Minh Mệnh đặc ân giáng Lê Văn Hiếu xuống Chánh thất phạm¹¹ thiên hộ, phát đi hiệu lực¹² ở đài Điện Hải (Quảng Nam). Đoàn Viết Nguyên bị cách chức, phát đi hiệu lực ở Nghệ An. Lê Văn Hiếu bị giáng, nhưng chỉ cấp bằng ở bộ, không có chiếu chỉ. Nhân việc ấy, vua Minh Mệnh dụ rằng: “Từ nay phạm quan văn, quan võ, người nào có tội bị giáng bỏ bắt đi gắng sức chuộc tội (tức hiệu lực - TG), thì cứ chiếu theo lệ ấy (tức bỏ *sắc*, chỉ cấp *bằng* - TG) mà làm” [3, t.2, tr.505].

Còn đối với Tôn Thất Lương vì giữ liêm khiết, được vua Minh Mệnh xuống dụ: “Khen ngợi, lại thưởng cho sa và đoạn đều 3 cuốn nhỏ, lụa màu 10 tấm, để khuyến khích người làm quan thanh bạch” [3, t.2, tr.819].

Tháng Giêng năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), vụ án Khố lại ở Kinh đô Phú Xuân (Huế) là Hoàng Hữu Nhẫn làm ngân bớt son bạc bị phát giác. Hoàng Hữu Nhẫn

thường làm ngắn bớt son bạc theo kích cỡ nhà nước quy định để ăn bớt của công, lại khai báo không đúng định lượng cân lạng các son bạc mỗi khi xuất kho. Một lần, vua Minh Mệnh sai Hoàng Hữu Nhân lấy ra 1 cân son bạc, Nhân để lên 15 lạng, nhưng lại tính là 1 cân¹³. Nhà vua nhận thấy son bạc ngắn hơn so với son bạc bình thường nên truyền chỉ gan hỏi. Hoàng Hữu Nhân tìm lời để chống chế. Vua sai đem cân lại son bạc, thì quả nhiên, mỗi lạng chỉ được hơn 9 đồng cân một chút. Lập tức, vua Minh Mệnh sai trói Nhân, giao cho Nội các tra hỏi. Khi đó, lính thợ trong Vũ khố mới đồng thanh tố giác sự gian dối của Nhân từ trước đến nay: mỗi khi nhập vào kho, thì Nhân ghi mỗi thỏi bạc nặng 9 đồng cân linh 10 phân, còn khi xuất ra lại ghi là nặng 1 lạng.

Vua Minh Mệnh nghe lời tâu, thấy Hoàng Hữu Nhân và đồng bọn đã phạm tội gian tham, lại dám lừa dối cả Vua. Ông gọi bọn Hoàng Hữu Nhân là “những kẻ mất hết lương tâm, cam lòng phạm pháp”. Rồi vua Minh Mệnh dụ bảo các bầy tôi rằng: “Gần đây, quan lại, binh dịch ở kho tàng, nhiều lần án gian vỡ lở đã bị nghiêm trị ngay, thế mà ở trước mặt Trẫm vẫn còn xảy ra gian dối như thế này, thì ở những nơi khác sẽ ra sao? Vậy cái án này nếu không lấy luật “giám thủ tự đạo” (Người giữ kho tự ăn cắp - TG), tính tang vật mà luận tội, thì tội nhẹ hơn luật, không thể lấy gì răn bảo người sau, mà sẽ nuôi mầm xấu ngay một to thêm, bọn tham bị càng bắt chước nhau mà cố phạm. Phàm là Thánh nhân xưa đặt ra pháp luật là ý muốn trị tội để mong không phải trị tội nữa, giết người để khỏi phải giết người nữa, thế là “giết một người mà muôn người sợ đó”¹⁴. Nay nếu không theo luật nặng mà trị tội, thì chỉ được cái

tiếng suông khoan hồng mà không đúng với cái đạo sáng hình phạt, mà nghiêm pháp luật, sau này sẽ phạm pháp nhiều ra, thì giết không xuể nữa” [3, t.3, tr.199].

Thế rồi, vua Minh Mệnh ra lệnh: áp giải chính phạm Hoàng Hữu Nhân đến cửa Vũ khố, thắt cổ cho chết, lại chặt bàn tay treo ở trên cửa, để răn “những kẻ miệt pháp và khi quân”¹⁵. Nhà vua còn bắt các quan lại ở Vũ khố đến quỳ ở xung quanh nơi treo “bàn tay của Nhân”, mà trông cho khiếp sợ, để sau này khỏi phạm pháp nữa. Thứ phạm là Dương Trọng Túc, cùng với Nhân làm ra những thỏi son bạc thiếu định lượng, bị phạt đóng gông nặng, 2 tháng hết hạn, đánh 100 hồng cân và phát đi làm lính thú ở Ai Lao. Và nhiều người đồng sự với Nhân, như Tư vụ Lê Văn Triêm, Thự Lang trung Trần Tử Vân, Viên Ngoại lang Nguyễn Văn Tín... tuy không tham dự vào lúc Vua lệnh xuất son bạc ở kho ra, nhưng đều bị quy trách nhiệm liên đới, cũng bị xử phạt nặng [3, t.3, tr.132-133].

Tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), hành vi gian lận trong việc cân đo thóc của Đinh Văn Tăng bị phát giác. Đinh Văn Tăng vốn là người coi kho ở Sơn Tây, vì không yêu sách được các binh lính trong tỉnh đến lĩnh lương, nên Tăng đã giở trò gian xảo: khi cân thóc cho họ thường kích tay gạt thóc, làm thóc không đầy hộc. Binh lính nhiều lần kêu ca. Tổng đốc¹⁶ Lê Đại Cang¹⁷ (Tổng đốc Tam Tuyên: Sơn Tây - Hưng Hóa - Tuyên Quang) cho người theo dõi và quả nhiên bắt quả tang hành vi gian lận của Đinh Văn Tăng. Lê Đại Cang tâu lên và đề nghị xử tử Tăng.

Vua Minh Mệnh nhận được lời tâu, bảo với bộ Hình rằng: “Trước đây binh dịch ở kho cho đến quan lại trông coi kho, thông đồng làm bậy, phát ra thì nhẹ tay, đong vào

thì nặng tay, lợi mình, thiệt người, cái gì cũng làm! Ta vẫn biết rõ hết nên khi việc phát ra tất tội nặng để răn đe kẻ điều ngoa. Lại nghĩ đổi lại cách thức cái học, cái phương đặt làm quy chế lâu dài. Chẳng ngờ một tấm khổ tâm của ta lo nghĩ vì quan quân, dân chúng đặt ra khuôn phép tốt lành để tỏ sự tin thực, công bằng ấy, lại bị bọn kia dám dờ nhiều ngón, xảo trá xoay cách vơ vét, thật đáng căm giận xiết bao!” [3, t.3, tr.108].

Ngay sau đó, vua Minh Mệnh ra lệnh chém đầu Đinh Văn Tăng, đem bêu và chặt một bàn tay, ướp muối phơi khô, rồi treo lên, để quan lại, binh lính, chức dịch trông thấy mà ghê sợ, không dám phạm pháp nữa. Những người cùng chịu tội với Đinh Văn Tăng là Cai kho Nguyễn Danh Chấn, hàng ngày cùng làm với Tăng, cùng dự việc tham tang, bị xử giảo giam hậu¹⁸. Suất đội Nguyễn Viêt Tân có trách nhiệm kiểm soát Tăng, mà không biết tình trạng gian lận đó, bị phạt: 100 trượng, đồ 3 năm; 40 người lính coi kho dựa vào nhau làm gian, đều bị đóng gông giam ở cửa kho 1 tháng, hết hạn đánh tiếp 100 trượng. Bó chánh Lê Nguyên Hy, vì không xem xét kỹ việc cấp phát thóc ở kho cũng bị giáng chức. Vua Minh Mệnh dụ các quan rằng: “Trẫm dùng hình phạt để mong đi đến chỗ không cần hình phạt nữa!”. Đoàn Văn Chử là người bí mật phát hiện được sự gian lận của Đinh Văn Tăng, được nhà vua thưởng 20 lạng bạc, ghi tên để bổ chức Chánh đội trưởng [3, t.3, tr.299].

5. Kết luận

Một số vụ án do vua Minh Mệnh xét xử cho thấy: thái độ hết sức nghiêm khắc của

Nhà nước quân chủ đối với các hành động phạm pháp của quan lại các cấp, kể cả các hành vi biến thủ công quỹ của khố lại, lính tráng; thủ tục xử lý tố tụng rất kịp thời, không để dây dưa, tồn đọng, không để nỗi oan ức của người bị hại kéo dài, hoặc cũng không làm lọt tội phạm, xử đúng người, đúng tội; tính sâu sát, tính cụ thể trong điều tra, lập hồ sơ bản án, tính kiên quyết nghiêm minh trong xét xử và trên hết là tính nêu gương, răn đe, giáo dục của pháp luật.

Hiện nay, tham nhũng đang là “quốc nạn”, “giặc nội xâm”, được Đảng và Nhà nước ta quan tâm diệt trừ tận gốc và đã thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Trong sự đồng tình và ủng hộ của cán bộ, quân đội, nhân dân cả nước, với mục tiêu: “Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật”, thì những tấm gương sáng trong hoạt động xét xử của lịch sử thời quân chủ Việt Nam nói chung và của vua Minh Mệnh nói riêng, có ý nghĩa thực tiễn to lớn, đã cung cấp cho hậu thế chúng ta những bài học lịch sử vô cùng quý giá.

Chú thích

² Bát nghị: (1) Nghị thân: những người thân cận với vua; (2) Nghị có: những bề tôi cố cựu của nhà vua; (3) Nghị công: những hàng công thần khai quốc, công thần trung hưng; (4) Nghị hiền: những bậc tài cao, đức trọng; (5) Nghị năng: những bậc có tài năng vượt bậc giúp nhà vua; (6) Nghị cần: những quan cao, tướng mạnh, cần mẫn việc quan; (7) Nghị quý: những quan đại thần, từ tam phẩm trở lên; (8) Nghị tân: những bậc khách quý của nhà vua.

³ Đầu triều Nguyễn, từ năm 1802 đến năm 1932, cả nước Việt Nam được chia thành 27 doanh, trấn. Ngoài đất Kinh Kỳ bao gồm 4 doanh là: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam, còn lại chia làm 23 trấn, gồm 7 trấn miền Trung: Thanh Hóa,

Nghệ An, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Khương, Bình Thuận; Bắc thành 11 trấn: Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Yên Quảng, Hưng Hóa; Gia Định thành 5 trấn: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường, Hà Tiên.

⁴ Quan: đơn vị tiền tệ dưới thời quân chủ Việt Nam. Về giá trị có thay đổi theo từng triều đại. Vào triều Nguyễn, nửa đầu thế kỉ XIX, thì giá một con trâu khoảng 5 quan đến 7 quan.

⁵ Tiền dưỡng liêm: số tiền cấp thêm, ngoài tiền lương chính thức, để nuôi dưỡng sự thanh liêm của quan lại.

⁶ Ngũ hình (5 hình phạt) thời quân chủ Việt Nam là: (1) Xuy: đánh bằng roi; (2) Trượng: đánh bằng gậy; (3) Đò: đò làm lính chẵn voi, ngựa; (4) Lưu: lưu đầy đi nơi xa; (5) Tử: có Trảm (chém đầu) và Giảo (thắt cổ). Giảo có Giảo quyết (thắt cổ ngay) và Giảo giam hậu (tội thắt cổ cho chờ xét lại).

⁷ Vua Gia Long sinh hạ được 13 hoàng tử và 18 công chúa. Trong số 13 hoàng tử, thì có 3 người là Phúc Cảnh, Phúc Hy, Phúc Tuấn mất từ sớm, trước khi vua Gia Long sáng lập vương triều Nguyễn (1802). Còn lại 10 người, thì có 2 người là Phúc Đài và Phúc Chân là em cùng cha, cùng mẹ với vua Minh Mệnh.

⁸ Nghị thân, nghị quý: là chỗ họ hàng với nhà vua, hay là chỗ có chức tước sang trọng, được nghị miễn tội, hoặc giảm tội.

⁹ Trấn Thanh Hoa: năm 1831, đổi tên thành tỉnh Thanh Hóa.

¹⁰ Thời Gia Long (1802-1819) và đầu thời Minh Mệnh (từ 1820 đến 1830), chia cả nước thành 27 doanh, trấn. Ở mỗi trấn, bộ phận lãnh đạo gồm có: 1 Trấn thủ (Tổng nhị phẩm), 1 Hiệp trấn (Chánh tam phẩm), 1 Tham hiệp (Chánh tứ phẩm).

¹¹ Khi làm Trấn thủ, Lê Văn Hiếu ở trật Tổng nhị phẩm, như vậy, Hiếu bị giáng 5 bậc.

¹² Hiệu lực nghĩa là gắng đem sức lực làm việc để đền công chuộc tội. Triều Nguyễn thường áp dụng 2 hình thức: Tiền quân hiệu lực: hiệu lực ở trong quân đội đóng nơi biên giới, bờ biển; Dương trình hiệu

lực: hiệu lực trên thuyền đi ra nước ngoài. Ở đây, Lê Văn Hiếu bị Tiền quân hiệu lực.

¹³ Cân: đơn vị đo trọng lượng thời quân chủ ở Việt Nam; 1 cân bằng 16 lạng, vì thế mới có thành ngữ: “Bên 8 lạng, người nửa cân”, để chỉ sự ngang bằng, tương xứng với nhau.

¹⁴ Đây là câu thành ngữ Hán học, nguyên văn: “Sát nhất nhân; vạn nhân cụ”.

¹⁵ Miệt pháp, khi quân: tức “khinh thường pháp luật và lừa dối nhà vua”.

¹⁶ Sau cải cách hành chính vào năm 1831, 1832, thời Minh Mệnh chia cả nước làm 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên (Huế - Tương đương với tỉnh). Các tỉnh lớn, hoặc liên tỉnh do Tổng đốc (Chánh nhị phẩm) đứng đầu; các tỉnh nhỏ do Tuần phủ (Tổng nhị phẩm) đứng đầu. Ngoài ra, mỗi tỉnh có 1 chức Bố chánh (Chánh tam phẩm) và Án sát (Tổng tam phẩm) phụ trách các việc: kinh tài, xử án...

¹⁷ Lê Đại Cang, bản dịch *Đại Nam thực lục* phiên âm tên ông là Lê Đại Cương, nhưng gần đây, chúng tôi đã về điền dã quê hương ông tại thôn Luật Chánh, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, được con cháu của ông cho biết, dòng họ Lê ở đây vẫn truyền tên của Cụ là Lê Đại Cang.

¹⁸ Giảo giam hậu: tội bị thắt cổ cho chết, nhưng còn giam lại đợi xét sau.

Tài liệu tham khảo

- [1] *Cổ luật Việt Nam, Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
- [2] Phùng Hữu Lan (2006), *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, t.1, 2, 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Minh Tường (1996), *Cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

